**CHƯƠNG 2:**

**I. Vật chất và ý thức**

1. **Khái niệm vật chất**
   * Quan niệm trước Mác – Lênin: Ngũ hành, Âm–Dương, Lửa (Heraclit), Không khí (Anaximander), Nguyên tử (Democritus)…
   * Cách mạng KHTN cuối TK XIX – đầu TK XX: phân chia nguyên tử, tương đối hẹp (1905), tương đối chung (1916)…
   * Định nghĩa Mác – Lênin (Lenin): “Vật chất là phạm trù triết học chỉ thực tại khách quan… tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác”
2. **Các hình thức tồn tại của vật chất**
   * **Phương thức**: Vận động (mọi sự thay đổi và quá trình trong vũ trụ).
   * **Hình thức**: Không gian (quảng tính), Thời gian (trường tính).
   * **Các dạng vận động**: Cơ học, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Xã hội.
3. **Tính thống nhất của giới vật chất**
   * Chỉ có một thế giới duy nhất.
   * Mọi bộ phận liên hệ thống nhất.
   * Không sinh không diệt, tồn tại vô tận.

**II. Ý thức**

1. **Khái niệm & bản chất**
   * Ý thức là toàn bộ hoạt động tinh thần: cảm giác, tri thức, tình cảm, ý chí…
   * Hình ảnh chủ quan, phản ánh tích cực–sáng tạo thế giới khách quan.
2. **Nguồn gốc**
   * **Tự nhiên**: Thuộc tính của não người, kết quả hoạt động thần kinh.
   * **Xã hội**: Lao động và ngôn ngữ – hai lực kích thích chính hình thành ý thức.
3. **Cấu trúc & mối quan hệ với vật chất**
   * Các yếu tố: tri thức (quan trọng nhất), tình cảm, ý chí.
   * Mối quan hệ biện chứng: Vật chất quyết định ý thức; ý thức phản ánh và tác động trở lại vật chất với tính độc lập tương đối.

**III. Phép biện chứng duy vật**

1. **Hai loại hình biện chứng**
   * **Phép siêu hình**: Nghiên cứu tĩnh, cô lập.
   * **Phép biện chứng**: Nghiên cứu biến động, mối liên hệ phổ biến.
2. **Nội dung**
   * **Hai nguyên lý**
     + Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến.
     + Nguyên lý về sự phát triển.
   * **Ba quy luật cơ bản**
     + **Lượng–chất**: Thay đổi về lượng dẫn đến thay đổi về chất (điểm nút, bước nhảy).
     + **Thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập**: Nguồn gốc động lực phát triển.
     + **Phủ định của phủ định**: Quá trình kế thừa–phát triển theo xoáy ốc.
   * **Các cặp phạm trù cơ bản** (ít nhất nắm vững vài cặp)
     + Riêng–Chung, Nguyên nhân–Kết quả, Bản chất–Hiện tượng, Tất nhiên–Ngẫu nhiên, Nội dung–Hình thức, Khả năng–Hiện thực.

**IV. Lý luận nhận thức của CNĐVBC**

1. **Nguồn gốc và bản chất nhận thức**
   * Nhận thức là quá trình phản ánh tích cực–sáng tạo.
2. **Vai trò của thực tiễn**
   * Thực tiễn là thước đo chân lý, vừa là nguồn gốc vừa là mục đích của nhận thức.
3. **Các giai đoạn**
   * Từ **cảm tính** (cảm giác, tri giác, biểu tượng) → **lý tính** (khái niệm, phán đoán, suy lý) → quay về thực tiễn.
4. **Quan điểm về chân lý**
   * Chân lý khách quan, tương đối, hoàn thiện dần trong thực tiễn.

**CHƯƠNG 3:**

**I. Học thuyết hình thái kinh tế – xã hội**

1. **Sản xuất vật chất là cơ sở tồn tại và phát triển xã hội**
   * **Khái niệm sản xuất và tái sản xuất đời sống hiện thực.**
   * **Vai trò then chốt của lực lượng sản xuất và công cụ lao động .**
2. **Biện chứng giữa lực lượng sản xuất (LLSX) và quan hệ sản xuất (QHSX)**
   * **Phương thức sản xuất: thống nhất LLSX với QHSX tương ứng; cấu trúc và vai trò quyết định của người lao động và công cụ, khoa học-kỹ thuật, tổ chức lao động.**
   * **Quy luật QHSX phù hợp với trình độ phát triển LLSX: QHSX thúc đẩy hoặc kìm hãm LLSX; nguyên tắc vận dụng trong phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN .**
3. **Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng (CSHT) và kiến trúc thượng tầng (KTTT)**
   * **Khái niệm, cấu trúc của CSHT (quan hệ sản xuất) và KTTT (hệ tư tưởng, chính trị, pháp luật, văn hóa…).**
   * **Quy luật: CSHT quy định bản chất, tính chất và sự biến đổi của KTTT; KTTT tác động trở lại CSHT với hai chiều hướng tích cực hoặc tiêu cực .**
4. **Hình thái kinh tế – xã hội và quá trình lịch sử – tự nhiên của sự phát triển**
   * **Khái niệm HTKT-XH, cấu trúc, các bậc thang phát triển.**
   * **Tiến trình vừa tuần tự vừa nhảy vọt; nguồn gốc vật chất là động lực cuối cùng của mọi biến đổi xã hội.**
   * **Giá trị khoa học bền vững và ý nghĩa cách mạng, đặc biệt với Việt Nam .**

**II. Giai cấp và dân tộc**

1. **Giai cấp và đấu tranh giai cấp**
   * **Định nghĩa giai cấp (Lenin); căn cứ: quan hệ với tư liệu sản xuất, vai trò trong tổ chức lao động, phân phối sản phẩm.**
   * **Đấu tranh giai cấp là động lực phát triển xã hội .**
2. **Dân tộc và mối quan hệ giai cấp – dân tộc – nhân loại**
   * **Khái niệm dân tộc: lãnh thổ, ngôn ngữ, kinh tế, văn hóa, pháp luật thống nhất.**
   * **Quan hệ biện chứng giữa giai cấp, dân tộc và nhân loại: sự tác động qua lại, ưu tiên lợi ích giai cấp và dân tộc trong xu thế chung của nhân loại .**

**III. Nhà nước và cách mạng xã hội**

1. **Nhà nước**
   * **Nguồn gốc, bản chất (công cụ thống trị chính trị của giai cấp thống trị), đặc trưng.**
   * **Chức năng cơ bản: thống trị chính trị, quản lý xã hội, đối nội, đối ngoại; mối quan hệ giữa các chức năng.**
   * **Các kiểu và hình thức nhà nước (sinh viên tự nghiên cứu) .**
2. **Cách mạng xã hội**
   * **Khái niệm, bản chất cách mạng xã hội; phân biệt với cải cách, đảo chính.**
   * **Điều kiện khách quan (mâu thuẫn LLSX – QHSX, khủng hoảng kinh tế-chính trị) và điều kiện chủ quan (nhận thức và tổ chức của lực lượng cách mạng).**
   * **Tiến trình “tình thế – thời cơ – thành công”; phương pháp cách mạng; vấn đề cách mạng trên thế giới hiện nay .**

**IV. Ý thức xã hội**

1. **Tồn tại xã hội (TTXH) và các yếu tố cơ bản**
   * **Toàn bộ sinh hoạt vật chất và điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội.**
2. **Ý thức xã hội (YTXH) và kết cấu**
   * **Khái niệm YTXH: phản ánh TTXH trong giai đoạn phát triển nhất định.**
   * **Phân loại theo trình độ phản ánh: YTXH thông thường và ý thức lý luận.**
   * **Kết cấu:**
     + **Tâm lý xã hội (quan điểm, tập quán, thói quen).**
     + **Hệ tư tưởng (chính trị, pháp luật, triết học, đạo đức, tôn giáo…).**
   * **Quan hệ biện chứng TTXH ↔ YTXH: quy định, độc lập tương đối, tác động trở lại, kế thừa và tương tác giữa các hình thái ý thức .**

**V. Triết học về con người**

1. **Khái niệm và bản chất con người**
   * **Con người là thực thể tự nhiên mang đặc tính xã hội; kết quả tiến hóa và sản xuất.**
   * **Bản chất con người: tổng hòa các quan hệ xã hội; mối quan hệ sinh học – xã hội.**
   * **Ví dụ minh họa theo phương diện tự nhiên và xã hội .**
2. **Hiện tượng tha hóa và giải phóng con người**
   * **Khái niệm tha hóa; con đường giải phóng.**
3. **Vai trò quần chúng nhân dân và cá nhân/vĩ nhân**
   * **Định nghĩa QCND, cá nhân, vĩ nhân/lãnh tụ; quan hệ và vai trò trong lịch sử.**
4. **Vấn đề con người trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam**
   * **Quan điểm Hồ Chí Minh về “chữ người”; phát huy tính tích cực, tự giác, sáng tạo của con người trong mọi hoạt động.**
   * **Con người là điểm tựa quyết định thắng lợi của công cuộc đổi mới .**